

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

I. Phần Tiếng Việt:

A/ Lý thuyết:

Khi sử dụng Tiếng Việt, cần sử dụng như thế nào cho đúng theo các chuẩn mực của Tiếng Việt?

Khi sử dụng Tiếng Việt, làm sao để sử dụng hay, đạt hiệu quả giao tiếp cao?

Thế nào là ngôn ngữ nghệ thuật? Hãy nêu những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật?

Tiếng Việt nước ta trải qua mấy thời kỳ? Đó là những thời kỳ nào?

B/ Bài tập vận dụng:

Xem các bài tập trong sách giáo khoa trang 68, 101, 102.

II. Phần văn bản:

Hãy nêu giá trị nghệ thuật và ý nghĩa của đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”? (Trích “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn).

Trình bày khái quát nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Hãy nêu giá trị nghệ thuật và ý nghĩa của đoạn trích “Trao duyên”. (Trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).

Tâm trạng, nỗi niềm của Kiều được thể hiện như thế nào trong đoạn trích “Nỗi thương mình” (Trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).

Lý tưởng anh hùng của Từ Hải được thể hiện như thế nào qua đoạn trích “Chí khí anh hùng” (Trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).

Những yếu tố kết tinh nên một thiên tài Nguyễn Du?

Lời ca của các cô gái và lời ca nói tiếp của khách ở cuối bài “Phú sông Bạch Đằng” nhằm khẳng định điều gì?

Luận đề chính nghĩa được Nguyễn Trãi trình bày trong “Bình Ngô đại cáo” gồm những nội dung gì?

Theo anh (chị) ý nghĩa của việc khắc bia ghi tên tướng sĩ trong đoạn trích "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia" là gì?

III. Phần làm văn:

1. Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều khi nhờ Thúy Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng trong 18 câu đầu đoạn trích "Trao duyên". (Trích "Truyện Kiều" của Nguyễn Du).
2. Phân tích tâm trạng của Kiều trong đoạn trích "Nỗi thương mình" (Trích "Truyện Kiều" của Nguyễn Du).
3. Phân tích chí khí anh hùng của Từ Hải trong đoạn trích "Chí khí anh hùng" (Trích "Truyện Kiều" của Nguyễn Du).
4. Phân tích tư tưởng nhân nghĩa được Nguyễn Trãi thể hiện ở đoạn đầu tác phẩm "Bình Ngô đại cáo":

Từng nghe

.....

Chúng cứ còn ghi.

5. Phân tích tâm trạng của người chinh phụ trong 16 câu thơ đầu của đoạn trích "Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ" trích "Chinh phụ ngâm" - Đặng Trần Côn.

GỢI Ý ĐÁP ÁN:

I. Phần Tiếng Việt:

1. - Về ngữ âm và chữ viết: yêu cầu phát âm theo âm chuẩn của tiếng Việt, viết chữ theo đúng các quy tắc hiện hành của chữ quốc ngữ.

- Về từ ngữ: yêu cầu dùng từ ngữ theo đúng hình thức, cấu tạo, ý nghĩa, đặc điểm ngữ pháp của chúng trong tiếng Việt.

- Về ngữ pháp: yêu cầu đặt câu theo đúng các quy tắc ngữ pháp, diễn đạt đúng các quan hệ ý nghĩa, sử dụng dấu câu thích hợp và có sự kiên kết câu để tạo nên mạch lạc cho văn bản.

- Về phong cách ngôn ngữ: yêu cầu sử dụng các phương tiện ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp, với phong cách chức năng ngôn ngữ.

2. Yêu cầu sử dụng hay, đạt hiệu quả giao tiếp cao được thực hiện bằng các phép tu từ, chuyển hóa linh hoạt, sáng tạo nhưng vẫn tuân theo các quy tắc và phương thức chung của tiếng Việt.

3. Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm được dùng trong văn bản nghệ thuật.

Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

Tính hình tượng.

Tính truyền cảm.

Tính cá thể hóa.

4. Tiếng Việt nước ta trải qua 5 thời kỳ, đó là:

Tiếng Việt trong thời kỳ dựng nước

Tiếng Việt trong thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

Tiếng Việt dưới thời kỳ độc lập tự chủ.

Tiếng Việt trong thời kỳ Pháp thuộc.

Tiếng Việt từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

II. Phần văn bản:

1. a) Nghệ thuật

Bút pháp tả cảnh ngụ tình, miêu tả tinh tế nội tâm nhân vật.

Ngôn từ chọn lọc, nhiều biện pháp tu từ, ...

b) Ý nghĩa văn bản

Ghi lại nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ trong cảnh chia lìa; đề cao hạnh phúc lứa đôi và tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến.

2. - Nội dung tư tưởng.

Tiếng khóc cho số phận con người: khóc cho tình yêu trong trắng, chân thành bị tan vỡ; khóc cho tình cốt nhục bị lìa tan; khóc cho nhân phẩm bị chà đạp; khóc cho thân xác con người bị dày dụa.

Lời tố cáo mạnh mẽ, đanh thép: tố cáo thế lực đen tối trong xã hội phong kiến, phanh phui sức mạnh làm tha hóa con người của đồng tiền. Bị ràng buộc bởi thế giới quan trung đại, Nguyễn Du tuy cũng lên án tạo hóa và số mệnh, nhưng bằng trực cảm nghệ sĩ, ông đã vạch ra đúng ai là kẻ chà đạp quyền sống của con người trong thực tế.

Bài ca tình yêu tự do và ước mơ công lí.

- Nghệ thuật

Nghệ thuật xây dựng nhân vật;

Nghệ thuật kể chuyện;

Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

3. a) Nghệ thuật

Miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật.

Ngôn ngữ độc thoại nội tâm sinh động.

b) Ý nghĩa văn bản

Vẻ đẹp nhân cách Thúy Kiều thể hiện qua nỗi đau đớn khi duyên tình tan vỡ và sự hi sinh đến quên mình vì hạnh phúc của người thân.

4. Tâm trạng, nỗi niềm của Kiều

Tỉnh dậy khi đêm tàn canh, giật mình đối diện với chính mình. "Giật mình": vừa là sự tự ý thức về nhân phẩm, vừa là nỗi thương thân xót phận.

Sự đối lập giữa thực tại và quá khứ thể hiện sự tiếc thương thân mình bị vùi dập và nỗi đau về sự thay thân đổi phận.

5. Lí tưởng anh hùng của Từ Hải

Không quyền luyện, bịn rịn, không vì tình yêu mà quên đi lí tưởng cao cả.

Trách Kiều là người tri kỉ mà không hiểu mình, khuyên Kiều vượt lên trên tình cảm thông thường để sánh với anh hùng.

Hứa hẹn với Kiều về một tương lai thành công.

Khẳng định quyết tâm, tự tin vào thành công.

6. Những yếu tố kết tinh nên một thiên tài Nguyễn Du.

Thời đại: Đó là một thời đại bão táp của lịch sử. Những cuộc chiến tranh dai dẳng, triền miên giữa các tập đoàn phong kiến đã làm cho cuộc sống xã hội trở nên điêu đứng, số phận con người bị chà đạp thê thảm.

Quê hương và gia đình: Quê hương núi Hồng sông Lam cùng với truyền thống gia đình khoa bảng lớn cũng là một yếu tố quan trọng làm nên thiên tài Nguyễn Du.

Bản thân cuộc đời gió bụi, phiêu bạt trong loạn lạc chính là yếu tố quan trọng nhất để Nguyễn Du có vốn sống và tư tưởng làm nên một đỉnh cao văn học có một không hai: Truyện Kiều.

7. - Lời ca của các bô lão có ý nghĩa tổng kết có giá trị như một tuyên ngôn về chân lý: Bất nghĩa thì tiêu vong, có nhân nghĩa thì lưu danh thiên cổ.

- Lời ca của "khách": Ca ngợi sự anh minh của hai vị tướng quân đồng thời ca ngợi chiến tích của quân và dân ta trên sông Bạch Đằng. Hai câu cuối vừa biện luận vừa khẳng định chân lý: trong mối quan hệ giữa địa linh và nhân kiệt, nhân kiệt là yếu tố quyết định. Ta thắng giặc không chỉ ở "đất hiểm" mà quan trọng hơn là bởi nhân tài có "đức cao".

8. Luận đề chính nghĩa:

Nêu cao tư tưởng yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thống lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hóa, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, và sự tự ý thức về sức mạnh dân tộc.

9. - Thể hiện tinh thần trọng người tài của các đấng minh vương "Khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua". Để kẻ ác "lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng..."

- Là lời nhắc nhở mọi người, nhất là trí thức nhận rõ trách nhiệm với vận mệnh dân tộc.

10. Ngụ ý của tác phẩm:

Vạch trần bản chất xảo quyệt, hung ác của hồn ma tướng giặc họ Thôi, phơi bày thực trạng bất công thối nát của xã hội đương thời và nhắn nhủ hãy đấu tranh đến cùng chống lại cái ác, cái xấu.

11. Ca ngợi một Trương Phi cương trực đến nóng nảy; trung thành và căm ghét sự phản bội, không tin lời nói, chỉ tin việc làm nhưng biết cầu thị, khoan dung.

III. Phần làm văn:

1. (18 câu đầu): Thúy Kiều nhờ Thúy Vân thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng.

Kiều nhờ cậy Vân (chú ý sắc thái biểu cảm của các từ ngữ "cậy", "lạy", "thưa"). Lời xưng hô của Kiều vừa như trông cậy vừa như nài ép, phù hợp để nói về vấn đề tế nhị "tình chị duyên em".

Nhắc nhớ mối tình của mình với chàng Kim; thăm thiết nhưng mong manh, nhanh tan vỡ. Chú ý cách kể nhấn về phía mong manh, nhanh tan vỡ của mối tình.

Kiều trao duyên cho em. Chú ý cách trao duyên - trao lời tha thiết, tâm huyết; trao kỉ vật lại dùng dằng, nửa trao, nửa nín - để thấy tâm trạng của Kiều trong thời khắc đoạn trường này.

2. Cảnh sống xô bồ ở lầu xanh với những trận cười, cuộc say, diễn ra triền miên.

Tâm trạng, nỗi niềm của Kiều

Tỉnh dậy khi đêm tàn canh, giật mình đối diện với chính mình. "Giật mình": vừa là sự tự ý thức về nhân phẩm, vừa là nỗi thương thân xót phận.

Sự đối lập giữa thực tại và quá khứ thể hiện sự tiếc thương thân mình bị vùi dập và nỗi đau về sự thay thân đổi phận.

Nỗi cô đơn, đau khổ đến tuyệt đỉnh của Kiều.

Cảnh vật với Kiều là sự giả tạo; nàng thờ ơ với tất cả cảnh vật xung quanh.

Thú vui cầm, kì, thi, họa với Kiều là "vui gương" - cố tỏ ra vui vì không tìm được tri âm.

3. - Khát vọng lên đường (bốn câu đầu đoạn trích)

Khát khao được vẫy vùng, tung hoành bốn phương là một sức mạnh tự nhiên không gì có thể ngăn cản nổi.

- Lí tưởng anh hùng của Từ Hải (phần còn lại). Chú ý các động thái của từ:

Không quyến luyến, bịn rịn, không vì tình yêu mà quên đi lí tưởng cao cả.

Trách Kiều là người tri kỉ mà không hiểu mình, khuyên Kiều vượt lên trên tình cảm thông thường để sánh với anh hùng.

Hứa hẹn với Kiều về một tương lai thành công.

Khẳng định quyết tâm, tự tin vào thành công.

4. Mở bài:

Nêu vấn đề (Tư tưởng nhân nghĩa của nhân dân ta là điểm cốt lõi đã được Nguyễn Trãi khẳng định một cách mạnh mẽ trong đoạn thơ đầu tác phẩm "Bình Ngô đại cáo").

Thân bài:

Nhân nghĩa trước hết và hơn đâu hết được thể hiện ở mục tiêu an dân, đem lại cuộc sống ấm no yên ổn cho nhân dân.

Không thương dân thì không thể nói tới bất cứ một thứ nhân nghĩa nào.

Làm vua (quân) phải biết chăm lo cho đời sống nhân dân, lo cho dân an cư lập nghiệp. Làm vua phải biết thương dân, phạt kẻ có tội với dân.

Muốn yên dân thì khi có giặc ngoại xâm trước hết phải đứng lên chống giặc "trước lo trừ bạo"

Nhân nghĩa gắn liền với việc khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thống lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hóa, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán và sự tự ý thức về sức mạnh dân tộc..

Kẻ nào đi ngược lại với nhân nghĩa kẻ ấy sẽ bị thất bại.

Hai câu cuối "Việc xưa ... còn ghi" là lời khẳng định hùng hồn về hai chân lí trên.

So sánh với tư tưởng độc lập chủ quyền trong "Nam quốc sơn hà" của Lí Thường Kiệt.

Kết bài: Tóm tắt vấn đề (tư tưởng nhân nghĩa là lý tưởng cả đời mà Nguyễn Trãi theo đuổi...).